

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẠC LIÊU
TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số: 50/2019/ HSST
Ngày 19 tháng 7 năm 2019

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU – TỈNH BẠC LIÊU**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

**** Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Trần Quỳnh Phương.***

**** Hội thẩm nhân dân:***

1- Bà Dư Thị Út.

2- Bà Lâm Thị Nguyệt Hồ.

**** Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhung, Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu.***

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Hồ Hải Đăng - Kiểm sát viên.***

Ngày 19 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tiến hành phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 47/2019/HSST ngày 3 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ ra xét xử số 49/2019/QĐXXST-HS ngày 18/6/2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Thanh L . Sinh năm: 1968. Tại Bạc Liêu

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Số A khóm N, phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 1/12; giới tính: nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn M (chết) và bà Đỗ Thị S (chết); có 02 người con; tiền án, tiền sự: không; Bị khởi tố bị can ngày 9/7/2018, bị truy nã và đến ngày 25/1/2019 bị cáo ra đầu thú và được tại ngoại cho đến nay (có mặt).

**** Bị hại: Bà Vưu Thanh H, sinh năm 1976.***

Trú tại: Số L Nguyễn Trung Trực, khóm K, phường N, thành phố B.

****Người có quyền lợi liên quan: Chị Trần Mỹ Y, sinh năm 1989.***

Trú tại: Số Q khóm H, phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vì động cơ vụ lợi, ngày 21/6/2016, Nguyễn Thanh L đã dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt của bà Vuư Thanh H số tiền 17.000.000 đồng.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu giữ nguyên quan điểm truy tố tại Cáo trạng số 46/CT-VKSTPBL ngày 29/4/2019 và đề nghị xử lý như sau:

- Về hình phạt:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm b, điểm h, điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009, xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh L mức hình phạt từ 03 đến 06 tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự:

+ Bị hại là bà Vuư Thanh H đã nhận bồi thường 17.000.000 đồng. Bà H không có yêu cầu bồi thường thiệt hại nên không đặt ra vấn đề trách nhiệm dân sự để xem xét, giải quyết tại phiên tòa hôm nay.

+ Người có quyền lợi liên quan đến vụ án là chị Trần Mỹ Y xác định số tiền 17.000.000 đồng chị bồi thường cho bà Vuư Thanh H để khắc phục hậu quả mà mẹ chị là bị cáo Nguyễn Thanh L gây ra. Chị không yêu cầu nhận lại số tiền này nên không đặt ra vấn đề trách nhiệm dân sự để xem xét, giải quyết tại phiên tòa hôm nay.

- Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi đã thực hiện và xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo Nguyễn Thanh L đã lợi dụng sự tin tưởng của bà Vuư Thanh H để chiếm đoạt số tiền 17.000.000 đồng của bà H. Vì vậy, hành vi của bị cáo đã bị khởi tố vụ án hình sự và khởi tố bị can. Quá trình điều tra và truy tố, Cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng thuộc Cơ quan cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu đã thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng theo qui định của pháp luật tố tụng hình sự.

Đối với bị hại bà Vuư Thanh H và người có quyền lợi liên quan đến vụ án là chị Trần Mỹ Y đã được triệu tập hợp lệ nhưng có yêu cầu vắng mặt; Xét thấy sự vắng mặt của bị hại và người có quyền lợi liên quan đến vụ án không cản trở cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà H, chị Y.

[2] Xét bị cáo đã có hành vi lợi dụng sự tin tưởng của bà Vuư Thanh H để chiếm đoạt số tiền 17.000.000 đồng của bà H với lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự; lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều

tra, truy tố và đã được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa, đủ dấu hiệu cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo qui định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009. Cụ thể như sau:

Tháng 5/2014, Nguyễn Thanh L mua xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nouvo, màu xanh đen, số khung RLCN1DB10EY232563, số máy 1DB1232579 tại cửa hàng xe máy T. Đến ngày 19/5/2014, Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ Công an tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận đăng ký xe số 023905 và biển kiểm soát 94K1-xxx.11 cho L. Sau đó, L giao xe mô tô này cho Trần Mỹ Yến quản lý, sử dụng tại thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó Y cho bạn mượn xe và bị mất nên L nói lại việc này với ông Trần Thanh H (chết tháng 1/2019) và có hứa nếu ông H tìm lại được xe sẽ cho ông xe này. Lúc này, L nghĩ xe không tìm lại được nên ngày 12/3/2015, L làm đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký xe mới với lý do mất giấy chứng nhận đăng ký, mục đích là để mang đi cầm cố khi thiếu tiền tiêu xài. Tuy nhiên, khoảng 02 tuần sau, ông H tìm gặp được chiếc xe mô tô trên sau đó điều khiển sang nhà L thì L giữ lời hứa đồng ý cho ông H trọn quyền sở hữu, sử dụng xe mô tô biển kiểm soát 94K1-xxx.11.

Ngày 13/5/2015, Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ Công an tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận đăng ký xe mới số 002207 cho L. Sau khi nhận được giấy chứng nhận đăng ký xe mới được cấp lại, L giao cho ông H cất giữ, còn giấy chứng nhận đăng ký xe cũ số 023950 cấp ngày 19/5/2014 thì L cất giữ.

Sau đó, L đã kí giấy mua bán, tặng cho xe mô tô biển kiểm soát 94K1-xxx.11 để ông H hợp thức hóa giấy tờ xe mô tô biển kiểm soát 94K1-xxx.11. Thực tế là ông H đã để vợ là bà Nguyễn Thanh T đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký xe và đã được cấp biển kiểm soát mới là 94K1-xyz.15.

Do cần tiền để tiêu xài nên L nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của bà H bằng hình thức sau: Ngày 21/6/2016, L hỏi mượn ông H xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nouvo, biển kiểm soát 94K1-xyz.15 rồi mang theo giấy chứng nhận đăng ký xe số 023905 có ghi biển kiểm soát 94K1 – xxx.11 cấp ngày 19/5/2014 đến cơ sở kinh doanh dịch vụ cầm đồ của bà Hà để bán xe mượn của ông H với giá 17.000.000 đồng. Do L là khách hàng quen nên bà H chỉ kiểm tra tình trạng xe và L có đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký xe. Sau đó, L làm giấy mua, bán, cho, tặng xe rồi mang đi chứng thực tại UBND phường N, thành phố B và giao giấy chứng nhận đăng ký xe số 023905 ghi biển kiểm soát 94K1 – xxx.11 cho bà H giữ làm tin. Ngày 22/6/2016, L viết giấy thuê xe mô tô nói trên với giá 75.000 đồng/01 ngày rồi mang xe trả lại cho ông H.

Sau đó, L thực hiện việc trả tiền thuê xe mô tô trên cho bà H đến khoảng tháng 3/2017 thì không trả nữa. Đến tháng 10/2017, bà H gặp L yêu cầu trả lại xe mô tô nói trên thì L cam kết trong thời gian 30 ngày sẽ bồi thường cho bà H số tiền 17.000.000 đồng nhưng sau đó L bỏ trốn. Ngày 30/1/2018, bà H đến Công an phường N, thành phố B tố giác hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Đến ngày 25/1/2019, Nguyễn Thanh L đến công an đầu thú và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội

Tại bản kết luận giám định số 139/GĐ-2018 ngày 29/6/2018, của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bạc Liêu kết luận chữ ký và chữ viết của Nguyễn Thanh L trên giấy mua, bán, cho, tặng xe giữa Nguyễn Thanh L với Nguyễn Tân H chứng thực số 225 ngày 15/4/2015, tại UBND phường G, thành phố B; giấy mua, bán, cho, tặng xe giữa Nguyễn Thanh L với Vuơ Thanh H chứng thực số 116 ngày 21/6/2016, tại UBND

phường N, thành phố B; Giấy mượn xe ngày 22/6/2016, của Nguyễn Thanh L ký là do cùng một người viết và ký ra.

Trên cơ sở xem xét hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để chấp nhận cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu và lời đề nghị luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu tại phiên tòa để xử lý trách nhiệm đối với bị cáo.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của bị hại mà còn gây mất an ninh trật tự tại địa phương, gây hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo ý thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác do mình thực hiện là vi phạm pháp luật, bị pháp luật xử lý nghiêm nhưng vì mục đích vụ lợi bị cáo đã bất chấp pháp luật, do đó cần xử lý nghiêm đối với bị cáo nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân có ích và răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo do bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã bồi thường thiệt hại, bị cáo ra đầu thú và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, điểm h, điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 nên Hội đồng xét xử quyết định áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 quyết định hình phạt nhẹ hơn đối với bị cáo để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà yên tâm cải tạo, học tập để sớm trở thành một công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Đối với việc bị cáo xin được hưởng án treo, như đã phân tích ở phần trên đối với hành vi phạm tội của bị cáo cần phải xử lý nghiêm nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân có ích và răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội nên Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị xin được hưởng án treo của bị cáo.

[3] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại là bà Vưu Thanh H đã nhận bồi thường 17.000.000 đồng và không có yêu cầu bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề trách nhiệm dân sự để giải quyết tại phiên tòa hôm nay.

Người có quyền lợi liên quan đến vụ án là chị Trần Mỹ Y xác định số tiền 17.000.000 đồng chị giao trả cho bà H để khắc phục hậu quả mà bị cáo Nguyễn Thanh L gây ra. Chị Y không yêu cầu nhận lại số tiền này. Do chị Y không có yêu cầu về vấn đề trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề trách nhiệm dân sự để giải quyết tại phiên tòa hôm nay.

[4] Về vật chứng: Đối với Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 023905 là chứng cứ trực tiếp được lưu tại hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử không xử lí.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1/. Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thanh L** phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm b, điểm h, điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh L 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bị bắt đi thi hành án.

2/. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Thanh L phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai, bị cáo L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bà H, chị Y có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận :

- TAND Tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND TP. Bạc Liêu;
- Chi cục THADS TP. Bạc Liêu;
- Công an thành phố Bạc Liêu;
- Nhà tạm giữ Công an TP. Bạc Liêu;
- Sở Tư pháp tỉnh Bạc Liêu;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người liên quan;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Tăng Trần Quỳnh Phương